

Bản án số: **184/2026/HSST**

Ngày: 25/05/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 11 - HÀ NỘI**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Tự Hiếu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Long và bà Trương Thị Thái

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thùy Liên - Thư ký
Tòa án nhân dân khu vực 11- Hà Nội.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội tham gia phiên tòa:
Bà Chủ Thị Kim Quy - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 05 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 11- Hà Nội, xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 82/2026/TLST-HS ngày 13 tháng 03 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 82/2026/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 04 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 143/2026/QĐ-HPT ngày 06/05/2026 đối với các bị cáo:

1. Họ và tên: Phạm Duy N, sinh năm 1983, Nơi thường trú và trú tại: Tổ dân phố số X, phường X, TP. Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Họ tên bố: Phạm Văn T (đã chết); Họ tên mẹ: Lâm Thị Ái H, Vợ: Phạm Thúy H1, có 02 con: Lớn sinh năm 2006, nhỏ sinh năm 2022.

Theo danh chỉ bản số 2044 ngày 10/07/2025 do Công an thành phố Hà Nội L và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/05/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 - Công an thành phố Hà Nội
(Có mặt tại phiên tòa)

2. Họ và tên: Nguyễn Văn N1, sinh năm 1996, Nơi thường trú và trú tại: Tổ dân phố P, xã T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 6/12; Họ

tên bố: Nguyễn Văn S; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị Thanh H2,

Theo danh chỉ bản số 6550 ngày 21/12/2025 do Công an thành phố Hà Nội L và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Nhân thân: Bản án số 29/HSST/2013 ngày 23/07/2013, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”

Bị cáo bị bắt truy nã và bị tạm giam từ ngày 18/12/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

3. Họ và tên: Phạm Lưu L, sinh năm 1998, Nơi thường trú và trú tại: Tổ dân phố Đ, phường Đ, TP. Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Họ tên bố: Phạm Văn M (đã chết); Họ tên mẹ: Nguyễn Thị N, Vợ: Ngô Minh P, có 01 con sinh năm 2023.

Theo danh chỉ bản số 1552 ngày 10/06/2025 do Công an thành phố Hà Nội L và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/05/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

4. Họ và tên: Triệu Văn N2, sinh năm 1996, Nơi thường trú và trú tại: Xóm C, phường T, TP. Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 11/12; Họ tên bố: Triệu Văn N; Họ tên mẹ: Triệu Thị L

Theo danh chỉ bản số 1551 ngày 10/06/2025 do Công an thành phố Hà Nội L và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Nhân thân: Bản án số 10/2014/HSST ngày 21/01/2014, Tòa án nhân dân Quận Thanh Xuân xử phạt 07 năm tù về tội “Cướp tài sản”. Bản án số 650/2014/HSPT ngày 20/08/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/05/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

5. Họ và tên: Cấn Minh T, sinh năm 2001, Nơi thường trú và trú tại: Thôn M, xã T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Họ tên bố: Cấn Văn Sáu; Họ tên mẹ: Nguyễn Thị C

Theo danh chỉ bản số 1550 ngày 10/06/2025 do Công an thành phố Hà Nội L và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/05/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

6. Họ và tên: Cán Văn M, sinh năm 2000, Nơi thường trú và trú tại: Thôn M, xã T, thành phố Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 8/12; Họ tên bố: Cán Văn Mai; Họ tên mẹ: Lê Thị Y

Theo danh chỉ bản số 1553 ngày 10/06/2025 do Công an thành phố Hà Nội L và lý lịch địa phương cung cấp, bị cáo không có tiền án, tiền sự.

Bị cáo bị bắt khẩn cấp và bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 17/05/2025. Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1- Công an thành phố Hà Nội

(Có mặt tại phiên tòa)

Bị hại: Anh Nguyễn Huy N3, sinh năm 1984

Trú tại: Xóm Chùa, Triều Khúc, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội

(Vắng mặt tại phiên tòa)

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Đỗ Thị T, sinh năm 1963. Trú tại: Xóm C, phường T, TP. Hà Nội.
(Vắng mặt)

2. Anh Cao Xuân H, sinh năm 1989. Trú tại: Số X, ngõ Y, Xóm C, phường T, TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

3. Bà Triệu Thị N, sinh năm 1961. Trú tại: Xóm Đ, phường T, TP. Hà Nội.
(Vắng mặt)

4. Bà Nguyễn Thị Bích L, sinh năm 1960. Trú tại: Số X ngõ Y, phường T, TP. Hà Nội.. (Vắng mặt)

5. Anh Nguyễn Quang Q, sinh năm 1979. Trú tại: Xóm L, phường T, TP. Hà Nội.(Vắng mặt)

6. Anh Phùng Tiến T, sinh năm 1985. Trú tại: Xóm A, phường T, TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

7. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1984. Trú tại: Xóm C, phường T, TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

8. Bà Đỗ Thị D, sinh năm 1966. Trú tại: Xóm C, phường T, TP. Hà Nội.
(Vắng mặt)

9. Anh Triệu Đình T, sinh năm 1980. Trú tại: Xóm C, phường T, TP. Hà Nội.
(Vắng mặt)

10. Chị Nguyễn Thị Vân A, sinh năm 1988. Trú tại: Xóm C, phường T, TP. Hà Nội.. (Vắng mặt)

11. Chị Phùng Thị Thu, sinh năm 2001, Trú tại: số X ngõ Y đường N, phường T, quận Thanh Xuân, Hà Nội (Vắng mặt)

12. Anh Hoàng Minh Đ, sinh năm 1983, Trú tại: số X ngõ Y, xóm L, phường T, TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

13. Anh Nguyễn Huy N3, sinh năm 1984. Trú tại: Xóm C, phường T, TP. Hà Nội. (Vắng mặt)

14. Chị Phạm Thúy H, sinh năm 1983. Trú tại: Tổ dân phố số X, phường X, TP. Hà Nội (Có mặt)

15. Chị Nguyễn Thị Thanh H, sinh năm 1974. Trú tại: Tổ dân phố P, xã T, TP. Hà Nội (Có mặt)

16. Chị Nguyễn Thị C, sinh năm 1972. Trú tại: Thôn M, xã T, TP. Hà Nội (Có mặt)

17. Chị Lê Thị Y, sinh năm 1974. Trú tại: Thôn M, xã T, TP. Hà Nội (Có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phạm Duy N làm công việc cho vay lãi nặng trên địa bàn thành phố Hà Nội. Duy N thuê Nguyễn Văn N1 và Phạm Lưu L làm việc cho mình. Duy N quen Triệu Văn N, Cấn Minh T, Cấn Văn M và Nguyễn Huy N3 thông qua mối quan hệ xã hội.

Từ ngày 18/02/2025 đến ngày 15/3/2025, Phạm Duy N đã cho anh Nguyễn Huy N3 vay tiền 14 lần tổng cộng 190.000.000 đồng tiền gốc, anh Huy N3 đã trả 60.000.000 đồng còn nợ lại Duy N số tiền 130.000.000 đồng. Do Huy N3 không trả tiền gốc và tiền lãi, Duy N gọi điện nhiều lần không trả lời hoặc tắt máy nên ngày 15/5/2025 Duy N và Huy N3 đã hẹn gặp nhau để nói chuyện nợ nần tại quán nước khu vực đường 25m thuộc xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội (nay là phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội). Duy N suy nghĩ phải đánh anh Huy N3 để cảnh cáo, gây sức ép cho anh Huy N3 lo sợ phải trả nợ. Để thực hiện việc này, Duy N đã gặp Nguyễn Văn N1 để bàn bạc và chỉ đạo Văn N1 dùng kéo đâm vào chân, tay của anh Huy N3 để gây sức ép buộc anh Huy N3 phải trả tiền nợ, còn Duy N và những người khác sẽ hỗ trợ khi cần, Văn N1 đồng ý. Sau đó, Duy N gọi điện thoại cho Cấn Minh T đi cùng để hỗ trợ đòi nợ, T đồng ý và đề xuất với Duy N gọi thêm bạn của T là Cấn Văn M để hỗ trợ. Sau đó, Duy N tiếp tục gọi điện cho Triệu Văn N rủ

đi đòi nợ cùng, Duy N nói “tý đi có việc hỗ trợ cậu, cứ để bọn trẻ con vào trước, có gì hỗ trợ sau”, Văn N1 đồng ý. Đến khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, Duy N chỉ đạo Phạm Lưu L lên nhà Duy N lấy túi đồ bên trong có 05 dao quắm hàn tuýp và 01 thanh kiếm mang xuống cho Duy N. L làm theo chỉ đạo rồi đưa túi bên trong có dao, kiếm cho Duy N. Lúc này, Duy N tiếp tục chỉ đạo L đi xuống khu vực làng Triều Khúc trước xem trên đường có lực lượng 141 làm nhiệm vụ không do Duy N sợ sẽ bị phát hiện mang theo hung khí. Sau khi L đi, Duy N điều khiển xe máy nhãn hiệu Honda SH màu đen BKS 29L1 – 934.84 (để túi dao, kiếm ở phía trước xe) đèo Văn N1 đi đến khu vực làng Triều Khúc, phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội. Trên đường đi, Duy N đưa cho Văn N1 01 chiếc kéo bằng kim loại có phần lưỡi kéo dài khoảng 10cm, phần chuôi kéo bằng kim loại dài 10cm, để Văn N1 đâm vào chân, tay anh Huy N3 như đã chỉ đạo Văn N1 trước đó. Hồi 18 giờ 00 phút cùng ngày, Duy N và Văn N1 gặp T điều khiển xe máy Honda wave màu trắng BKS: 29V5 – 575.61 chờ M phía sau. Tại đây, Duy N nói với T, M: “Đi có việc đòi tiền thằng khách nợ anh, đến nơi, Nam vào đánh dần mặt còn hai đứa ở ngoài nếu bị đánh thì vào hỗ trợ”, T và M đồng ý. Duy N bảo Văn N1 sang xe T và M. Lúc này, Văn N1 cũng đi bộ ra chỗ Duy N. Duy N đưa khẩu trang cho mọi người để đeo và bảo T dùng khẩu trang để che biển số xe của T tránh sự phát hiện của người dân và cơ quan chức năng. Khoảng 18 giờ 04 phút cùng ngày, Duy N gọi điện hẹn anh Huy N3 ra quán nước tại khu vực đường 25m, gần trường tiểu học Tân Triều. Sau đó, Duy N gọi điện chỉ đạo L đi ra khu vực đường 25m quan sát xem có thấy anh Huy N3 ở đó không và có chốt 141 không rồi báo lại. Lúc này, Duy N điều khiển xe máy trở Văn N1 còn T điều khiển xe máy trở M và Văn N1 đi đến điểm hẹn với anh Huy N3. Hồi 18 giờ 22 phút cùng ngày, L gọi điện báo cho Duy N: “Không có chốt Công an đâu, thằng Ninh đang ngồi ở quán trà đá ở đường 25m” rồi L điều khiển xe máy ra ngã tư cách khoảng 100m để quan sát. Sau đó, Duy N gọi điện báo cho T vị trí của anh Huy N3 rồi điều khiển xe chở Văn N1 đi qua chỗ anh Huy N3 ngồi khoảng 20 – 30m để quan sát. Còn T điều khiển xe máy chở M và Văn N1 đến quán trà đá ở cổng Trường tiểu học Tân Triều. Khi thấy anh Huy N3 đang ngồi ở quán nước, T điều khiển xe đi chậm lại để Văn N1 và M ngồi sau nhảy xuống. Sau đó, Văn N1 dùng tay phải rút kéo từ bên phải túi quần đang mặc, lao về phía anh Huy N3. Thấy vậy, anh Huy N3 đứng dậy bỏ chạy thì bị Văn N1 chạy theo đâm 02 nhát vào phần lưng, bả vai trái. Thấy vậy, T liền điều khiển xe máy quay đầu xe ra giữa đường rồi M nhảy lên xe, còn Duy N cũng quay đầu xe rồi điều khiển xe chở Văn N1 đi đến gần vị trí của T nói: "Thôi". Nghe vậy, Văn N1 dừng lại rồi nhảy lên xe của T. Sau đó cả nhóm điều khiển xe máy bỏ chạy theo hướng vào làng Triều Khúc, phường Thanh Liệt, khi đi đến ngã ba Ủy ban nhân dân xã Tân Triều (cũ) thì

Duy N dừng xe để Văn N1 xuống xe và đưa cho Văn N1 túi đựng dao kiếm và bảo mang về nhà cất. Sau đó Duy N điều khiển xe máy đuổi theo xe của T, đi được một đoạn thì xe của T bị thùng xăng nên M và Văn N1 lên xe Duy N chở để T đi vá xe. Trên đường đi, Duy N hỏi Văn N1 “em làm gì anh Ninh”, Văn N1 trả lời “đâm Ninh 02 phát vào vai và lưng”. Duy N bảo Văn N1 vút kéo đi nên Văn N1 đã vút chiếc kéo trên đường bỏ chạy. Khi đến nơi T sửa xe, Duy N đã dừng xe lại và lấy trong cốp xe của mình 01 chai nước suối để Văn N1 rửa vết máu trên tay. Sau đó cả nhóm tiếp tục bỏ chạy, Duy N chở Văn N1 đi về hướng Tây Mỏ còn T chở M đi về Thạch Thất.

Ngày 15/5/2025, chị Triệu Thị P là vợ của anh Huy N3 đã đến công an xã Tân Triều trình báo về vụ việc trên.

Ngày 16/5/2025, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội ra Quyết định trưng cầu giám định đối với thương tích của Nguyễn Huy N3. Tại Kết luận giám định tổn thương cơ thể người sống số 555/KLTTCT-TTPY ngày 20/5/2025 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Hà Nội, kết luận: “Căn cứ thông tư số 22/2019/TT-BYT ngày 28/8/2019 của Bộ Y tế quy định tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể sử dụng trong giám định pháp y, giám định pháp y tâm thần.

1. Các kết quả chính:

1.1. Vết thương bả vai trái:	01%
1.2. Vết thương – vết mổ lưng phải:	03%
1.3. Vết thương – vết mổ sống lưng phải:	03%
1.4. Vết dẫn lưu khoang màng phổi trái:	01%
1.5. Tổn thương màng phổi phải:	05%

2. Kết luận:

2.1. Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Huy N3 tại thời điểm giám định là: **12%** (mười hai phần trăm). Áp dụng phương pháp cộng tại Thông tư số 22/2019/TT-BYT.

2.2. Kết luận khác:

- Cơ chế hình thành thương tích: Thương tích của anh Nguyễn Huy N3 do vật sắc nhọn gây nên.

- Hiện chưa đánh giá được hết mức độ di chứng của các tổn thương. Đề nghị giám định bổ sung sau khi điều trị ổn định ra viện”.

Ngày 26/11/2025, anh Nguyễn Huy N3 có đơn từ chối giám định bổ sung, đề nghị Cơ quan điều tra lấy kết luận giám định tổn thương cơ thể người sống số 555/KLTTCT-TTPY ngày 20/5/2025 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Hà Nội làm cơ sở để giải quyết theo quy định của pháp luật.

Ngày 11/11/2025, Cơ quan CSĐT - Công an thành phố Hà Nội ra Quyết định trưng cầu giám định đối với số hung khí thu giữ của Phạm Văn N1, Triệu Văn N. Tại Kết luận giám định số 7982/KL-KTHS ngày 18/11/2025 của Phòng kỹ thuật hình sự - Công an thành phố Hà Nội, kết luận:

“1. Mẫu vật ký hiệu A1, A2, A3, A4, A5 gửi giám định có chiều dài nhất 78,4cm, ngắn nhất 77cm, tay cầm là các ống kim loại dài 51,5cm, rộng nhất 2,1cm; phần lưỡi kim loại có hình dạng cong, lớn nhất dài 26,8cm rộng 9,4cm, nhỏ nhất dài 25,5cm rộng 9,4cm, một lưỡi sắc, có đầu nhọn là dao sắc, nhọn, thuộc phụ lục 5, danh mục dao có tính sát thương cao ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

2. Mẫu vật ký hiệu A6 gửi giám định khi nằm trong vỏ có chiều dài 83,4cm, khi rút khỏi vỏ có chiều dài 74,9cm, tay cầm bằng gỗ dài 19cm, rộng nhất 3,6cm; phần lưỡi bằng kim loại dài 55,9cm, bản rộng nhất 3,6cm, một lưỡi sắc, có đầu nhọn là kiếm, thuộc phụ lục 3, danh mục vũ khí thô sơ ban hành kèm theo Thông tư số 75/2024/TT-BCA ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ.

3. Việc xác định mẫu vật gửi giám định có phải là vũ khí quân dụng hay không đề nghị Cơ quan trưng cầu giám định căn cứ tài liệu, mẫu vật thu thập được nghiên cứu, áp dụng quy định tại điểm d, khoản 2, Điều 2 Luật quản lý, sử dụng vũ khí, vật liệu nổ và công cụ hỗ trợ số 42/2024/QH15 ngày 29/6/2024 của Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam khóa XV để xác định”.

Ngoài ra, Phạm Duy N, Phạm Lưu L còn có hành vi Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự cụ thể như sau:

Năm 2023, Nguyễn Duy N hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự dưới hình thức bốc bát họ tỷ lệ 10 ăn 8, cắt lãi trước, trả tiền trong vòng 50 ngày tính lãi suất là 4.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày (tương đương 146%/1 năm) và cho vay lãi ngày với mức lãi suất từ 5.000 đồng đến 10.000 đồng/1 triệu đồng/1 ngày (tương đương 182,5% đến 365%/1 năm). Duy N trực tiếp thẩm định khách vay, sử dụng tài khoản Ngân hàng Techcombank để chuyển tiền cho khách vay và nhận tiền lãi, gốc. Trước khi cho vay, khách phải viết giấy vay tiền hoặc để lại giấy tờ tùy thân làm tin (đa phần khách quen từ lâu lên chỉ yêu cầu viết giấy vay tiền). Lúc đầu Duy N làm một mình, từ khoảng giữa năm 2023 đến nay Duy N thuê Phạm Lưu L và trả lương số tiền 8.000.000 đồng/01 tháng. Duy N giao nhiệm vụ cho L hướng dẫn khách viết giấy vay tiền, gọi điện nhắc nợ khách, đi thu tiền của các khách trả tiền mặt và cấp cho L máy điện thoại lắp sim số 0981752804 dùng nhắc khách trả nợ. Sử dụng tài khoản Ngân

hàng Techcombank của L để khách chuyển trả nợ tiền gốc và tiền lãi vay. Đến cuối tháng 02 năm 2025, Duy N thuê Nguyễn Văn N1, trả lương 3.000.000 đồng/1 tháng bao ăn ở và trả tiền sinh hoạt cho Văn N1. Duy N thuê cho Văn N1 chỗ ở tại địa chỉ: CH2711, Tòa S102, Vinhomes Smart City, phường Tây Mỗ, TP Hà Nội. Văn N1 thường xuyên đi cùng Duy N thẩm định khách vay, thu tiền khách nếu trả tiền mặt, đi cùng nhắc nợ, đòi nợ khách chậm trả.

Quá trình điều tra, đã làm rõ các khách vay tiền, khoản vay và lãi suất như sau:

- Bà Đỗ Thị T: Tháng 02/2025 đến nay, bà T đã vay các khoản vay sau:

+ 03 khoản vay với tổng số tiền 50.000.000 đồng, thu 20.000.000 đồng tiền lãi, với lãi xuất 5.000 đồng/01 triệu đồng/01 ngày tương đương với lãi xuất 182,5%/năm. Tiền lãi theo quy định 20%/năm là: $(20.000.000 \text{ đồng} \times 20\%) / 182,5\% = 2.191.781 \text{ đồng}$. Tiền hưởng lợi bất chính là 20.000.000 đồng – 2.191.781 đồng = 17.808.219 đồng.

+ Khoản 4: Từ tháng 01/2025 đến nay, Duy N cho bà T vay bát họ 20.000.000 đồng, cắt lãi trước 4.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 400.000 đồng trong vòng 50 ngày. Bà T cứ đóng được khoảng hơn 40 ngày thì lại tiếp tục bốc bát họ mới với số tiền là 20.000.000 đồng, sau khi trừ đi tiền lãi, số tiền còn nợ bát họ trước thì Duy N chuyển tiền cho bà T. Bà T đã đáo bát họ vào các ngày 12/3/2025 và ngày 20/4/2025. Như vậy, tổng bà T vay 03 bát họ mỗi bát 20.000.000đ và bị cắt trước mỗi bát họ 4.000.000đ tiền lãi. Tổng số tiền lãi Duy N đã cắt trước của 3 bát họ trên là 12.000.000 đồng tiền lãi.

Như vậy, tổng số tiền Duy N cho bà T vay là 110.000.000 đồng, tổng số tiền lãi Duy N thu của bà T là 32.000.000 đồng, thu lời bất chính tổng số tiền 28.164.383 đồng. Bà T chưa trả số tiền gốc của 04 khoản vay trên cho Duy N, còn nợ 110.000.000 đồng.

- Anh Cao Xuân H: Ngày 14/04/2025, anh H vay 5.000.000 đồng theo hình thức bốc bát họ, cắt lãi trước 1.000.000 đồng, H được cầm về 4.000.000 đồng, đóng trong 50 ngày, mỗi ngày đóng 100.000 đồng. Đến nay H đã đóng được 32 ngày họ là 3.200.000 đồng còn nợ 1.800.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, số tiền Duy N cho anh H vay là 5.000.000 đồng, tiền lãi Duy N thu của anh H là 1.000.000 đồng, thu lời bất chính số tiền lãi 863.013 đồng. Anh H đã trả 3.200.000 đồng nợ gốc, còn nợ 1.800.000 đồng.

- Bà Triệu Thị N: Từ tháng 11/2024 đến nay, bà N vay 03 khoản:

+ Khoản 1: Ngày 07/11/2024, vay số tiền 40.000.000 đồng với lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, cắt lãi trước 10 ngày là 2.000.000 đồng, nhận về 38.000.000

đồng; cứ 10 ngày đóng lãi 01 lần số tiền 2.000.000 đồng. Đến nay, bà N đã đóng được thêm 18 kỳ lãi, tương đương số tiền 36.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi được hưởng cho khoản vay này là: 38.000.000 đồng.

+ Khoản 2: Ngày 18/04/2025, vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 6.667 đồng/1 triệu/1 ngày; cắt lãi trước 15 ngày là 1.000.000 đồng, nhận về 9.000.000 đồng; cứ 15 ngày đóng lãi 01 lần số tiền 1.000.000 đồng. Bà N đã đóng thêm 01 kỳ lãi với số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi được hưởng cho khoản vay trên là 2.000.000 đồng.

+ Khoản 3: Ngày 23/04/2025, vay số tiền 15.000.000 đồng với lãi suất 6.667 đồng/1 triệu/1 ngày; cắt lãi trước 10 ngày là 1.000.000 đồng, nhận về 14.000.000 đồng; cứ 10 ngày đóng lãi 01 lần số tiền 1.000.000 đồng. Bà N đã đóng thêm 01 kỳ lãi với số tiền 1.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi được hưởng cho khoản vay trên là 2.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Duy N cho bà N vay là 65.000.000 đồng, Duy N thu của bà N tổng số tiền lãi là 42.000.000 đồng, thu lời bất chính tổng số tiền 37.506.849 đồng. Bà N chưa trả số tiền gốc của các khoản vay trên cho Duy N, còn nợ 65.000.000 đồng.

- Bà Nguyễn Thị Bích L: Từ khoảng năm 2024 đến nay, bà L nhiều lần vay tiền Duy N theo hình thức bốc bát họ 10 ăn 8 đóng trong vòng 50 ngày và lãi ngày với lãi suất 5.000 đồng/triệu/ngày. Theo sao kê tài khoản Ngân hàng, sổ sách ghi chép xác định: Ngày 17/3/2025, bà L vay của 5.000.000 đồng theo hình thức bốc bát họ 10 ăn 8, đóng trong vòng 50 ngày, cắt lãi trước 1.000.000 đồng, trừ đi số tiền họ chưa đóng hết, bà L nhận về 500.000 đồng. Ngày 4/4/2025, bà L vay tiếp 5.000.000 đồng theo hình thức bốc bát họ trên, đóng trong vòng 50 ngày, cắt lãi trước 1.000.000 đồng, trừ đi số tiền họ chưa đóng hết, bà N nhận về 400.000 đồng. Ngày 9/4/2025, bà L vay 5.000.000 đồng theo hình thức bốc bát họ trên, cắt lãi trước 1.000.000 đồng, trừ đi số tiền họ chưa đóng hết, bà L nhận về 600.000 đồng.

Như vậy, từ ngày 17/03/2025 đến nay, tổng số Duy N cho bà L vay là 15.000.000 đồng, tiền lãi Duy N thu của bà L là 3.000.000 đồng, thu lời bất chính tổng số tiền 2.589.041 đồng. Bà L đã trả cho Duy N tổng số tiền 10.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ 5.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Quang Q: Từ năm 2024 đến nay anh Q nhiều lần vay tiền theo hình thức bốc bát họ 10 ăn 8, đóng trong vòng 50 ngày với số tiền từ 10.000.000 đồng đến 15.000.000 đồng. Căn cứ vào sổ sách, sao kê tài khoản Ngân hàng xác định:

+ Ngày 27/02/2025, anh Q vay bất họ 10.000.000 đồng cắt lãi trước 2.000.000 đồng, nhận về 8.000.000 đồng, phải trả đủ trong vòng 50 ngày. Bất họ này anh Q đã đóng đủ.

+ Ngày 20/4/2025, anh Q vay bất họ 15.000.000 đồng, cắt lãi trước 3.000.000 đồng, nhận về 12.000.000 đồng (Thực chất bất họ chỉ nhận về 1.800.000 đồng do còn phải đáo các bất họ khác), phải trả đủ trong vòng 50 ngày. Bất họ này anh Q đã trả 25 ngày = 7.500.000 đồng còn nợ 7.500.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, tổng số Duy N cho anh Q vay là 25.000.000 đồng, tổng số tiền lãi Duy N thu của anh Q là 5.000.000 đồng, hưởng lợi bất chính tổng số tiền 4.315.068 đồng. Anh Q đã trả cho Duy N tổng số tiền 17.500.000 đồng tiền nợ gốc, còn nợ 7.500.000 đồng.

- Anh Phùng Tiến T:

+ Ngày 09/05/2025, vay số tiền 5.000.000 đồng dưới hình thức bóc bất họ 10 ăn 8 cắt lãi trước 1.000.000 đồng, trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, thu trước 01 buổi đóng là 100.000 đồng và chuyển cho Thanh 3.900.000 đồng. Anh T đã đóng được 8 buổi tương ứng với số tiền 800.000 đồng còn nợ 4.200.000 đồng tiền gốc.

+ Ngày 13/05/2025, vay số tiền 5.000.000 đồng dưới hình thức bóc bất họ 10 ăn 8 cắt lãi trước 1.000.000 đồng, trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, thu trước 01 buổi đóng là 100.000 đồng và chuyển cho anh T 3.900.000 đồng. Đến ngày hôm sau, anh T đã trả hết tiền gốc.

+ Ngày 15/05/2025, vay số tiền 5.000.000 đồng dưới hình thức bóc bất họ 10 ăn 8 cắt lãi trước 1.000.000 đồng, trả tiền gốc trong vòng 50 ngày, thu trước 01 buổi đóng là 100.000 đồng và chuyển cho anh T 3.900.000 đồng. Anh T đã đóng được 2 buổi tương ứng với số tiền 200.000 đồng còn nợ 4.800.000 đồng tiền gốc

Như vậy, Duy N đã cho anh T vay tổng số tiền là 15.000.000 đồng, Duy N đã thu của anh T tổng số tiền lãi là 3.000.000 đồng, hưởng lợi bất chính số tiền 2.589.041 đồng. Anh T đã trả cho Duy N 6.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ 9.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị C: Khoảng 06/2024, vay số tiền 10.000.000 đồng dưới hình thức bóc bất họ 10 ăn 8 cắt lãi trước 2.000.000 đồng, nhận về 8.000.000 đồng, trả tiền gốc trong vòng 50 ngày.

Như vậy, Duy N đã cho chị C vay 10.000.000 đồng, Duy N đã thu của chị C 2.000.000 đồng tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền 1.726.027 đồng. Chị C đã trả hết tiền gốc.

- Bà Đỗ Thị D: Từ khoảng năm 2024 đến nay, bà D nhiều lần vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức bóc bất họ 10 ăn 8 đóng trong vòng 50 ngày. Có lúc

chưa đóng hết bát họ cũ thì bà D lại vay bát mới để đóng cùng nhau. Theo sổ sách ghi chép thì bà D vay của các bát họ sau:

+ Ngày 02/4/2024, vay số tiền 5.000.000 đồng, cắt lãi trước 1.000.000 đồng, đóng trước 01 buổi, trừ đi số tiền 2.300.000 đồng phải đóng họ đến ngày 2/4/2025 (bà D chậm đóng họ) nên bà D nhận về được số tiền 1.600.000 đồng.

+ Đến ngày 24/4/2025, vay số tiền 5.000.000 đồng, cắt lãi trước 1.000.000 đồng, đóng trước 01 buổi và trừ đi số tiền 3.300.000 phải đóng họ đến ngày 24/4/2025 (bà D chậm đóng họ) nên bà D nhận về số tiền 600.000 đồng.

Như vậy, Duy N đã cho bà D vay tổng số tiền 10.000.000 đồng, Duy N đã thu của bà D tổng số tiền lãi là 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.726.027 đồng. Bà D đã trả 5.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ 5.000.000 đồng.

- Anh Triệu Đình T: Ngày 27/04/2025, anh T vay số tiền 20.000.000 đồng theo hình thức bốc bát họ 10 ăn 8, cắt lãi luôn 4.000.000 đồng, Tuần được cầm về 16.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 400.000 đồng tiền gốc, đóng trong 50 ngày. Đến nay anh T đã đóng họ được 20 ngày là 8.000.000 đồng còn nợ 12.000.000 đồng tiền gốc.

Như vậy, Duy N đã cho anh T vay 20.000.000 đồng, Duy N đã thu của anh T 4.000.000 đồng tiền lãi, thu lợi bất chính số tiền 3.452.054 đồng. Anh T đã trả 8.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ 12.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Vân A:

+ Ngày 08/02/2025, chị Vân A vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức bốc bát họ 10 ăn 8, cắt lãi luôn 1.000.000 đồng, chị Vân A cầm về 4.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 100.000 đồng đóng trong 50 ngày. Đến nay chị Vân A đã thanh toán hết khoản vay này. Duy N được hưởng lợi tiền lãi 1.000.000 đồng.

+ Ngày 10/02/2025, chị Vân A vay số tiền 5.000.000 đồng theo hình thức bốc bát họ 10 ăn 8, tôi cắt lãi luôn 1.000.000 đồng, chị Vân A cầm về 4.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 100.000 đồng đóng trong 50 ngày. Đến nay chị Vân A đã thanh toán hết khoản vay này. Duy N được hưởng lợi tiền lãi 1.000.000 đồng.

+ Ngày 16/02/2025, chị Vân A vay số tiền 10.000.000 đồng. Tính lãi ngày 7.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, cắt trước 1 kỳ = 10 ngày là 700.000 đồng. Chuyển chị Vân A 9.300.000 đồng. Chị Vân A đã đóng thêm 09 kỳ x 700.000 đồng = 6.300.000 đồng, chưa thanh toán số tiền gốc đã vay. Duy N được hưởng lợi số tiền lãi là 7.000.000 đồng.

+ Ngày 19/02/2025, chị Vân A vay số tiền 10.000.000 đồng. Duy N tính lãi ngày 10.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, cắt lãi trước số tiền 1 kỳ = 10 ngày = 1.000.000

đồng. Chị Vân A đã trả 08 kỳ là 8.000.000 đồng. Chị Vân A chưa trả tiền gốc. Duy N được hưởng lợi số tiền lãi là: 9.000.000 đồng.

+ Ngày 08/03/2025, chị Vân A vay số tiền 10.000.000 đồng dưới hình thức bốc bát họ tỷ lệ 10 ăn 8, cắt lãi luôn 2.000.000 đồng, chị Vân A cầm về 8.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 200.000 đồng đóng trong 50 ngày. Đến nay chị Vân A đã thanh toán hết khoản vay này. Duy N được hưởng lợi tiền lãi 2.000.000 đồng.

+ Ngày 11/03/2025, chị Vân A vay 20.000.000 đồng. Duy N tính lãi ngày 10.000 đồng/ 1 triệu/ 1 ngày, cắt lãi trước số tiền 1 kỳ = 10 ngày = 2.000.000 đồng. Vân Anh đã trả 06 kỳ x2.000.000 đồng= 12.000.000 đồng. Số tiền trên chị Vân A chưa trả gốc. Duy N được hưởng lợi số tiền lãi là: 14.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Duy N cho chị Vân A vay là 60.000.000 đồng, tổng số tiền lãi Duy N thu của chị Vân A là 34.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 31.643.835 đồng. Chị Vân A đã trả 20.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ 40.000.000 đồng.

- Anh Hoàng Minh Đ: Ngày 01/03/2025, anh Đ vay của Duy N 10.000.000 đồng dưới hình thức bốc bát họ 10 ăn 8 trong 50 ngày, cắt trước 2.000.000 đồng tiền lãi và trả trước 05 buổi (tương đương 1.000.000 đồng), tổng số tiền anh Đ nhận về là 7.000.000 đồng.

Như vậy, Duy N cho anh Đ vay số tiền 10.000.000 đồng, số tiền lãi Duy N thu được là 2.000.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 1.726.027 đồng. Anh Đ đã trả hết nợ gốc cho Duy N.

- Chị Phùng Thị Thu: Từ năm 2023 đến nay, Chị T nhiều lần vay tiền của Duy N nhưng không nhớ cụ thể. Đến tháng 1/2025, Chị T nhớ có vay của Duy N 03 khoản như sau:

+ Khoản 1: Chị T vay 20.000.000 đồng, lãi suất 7000/1.000.000 đồng/ 01 ngày, cắt lãi trước 10 ngày, cứ 10 ngày đóng lãi 1 lần tương ứng với số tiền 1.400.000 đồng. Chị T đã đóng được thêm 10 kỳ lãi. Tổng số lãi đã đóng là 14.000.000 đồng.

+ Khoản 2: Chị T vay 10.000.000 đồng lãi suất 6000/1.000.000 đồng/ 01 ngày, cắt lãi trước 10 ngày, cứ 10 ngày đóng lãi 1 lần tương ứng với số tiền 600.000 đồng. Chị T đã đóng được thêm 10 kỳ lãi. Tổng số lãi đã đóng là 6.000.000 đồng.

+ Khoản 3: Chị T bốc bát họ 10.000.000 đồng, cắt lãi trước 2.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 200.000 đồng trong 50 ngày.

+ Khoản 4: Chị T bốc bát họ 10.000.000 đồng, cắt lãi trước 2.000.000 đồng, mỗi ngày đóng 200.000 đồng trong 50 ngày.

Như vậy, Duy N đã cho Chị T vay 50.000.000 đồng, Duy N đã thu của Chị T 24.000.000 đồng tiền lãi, thu lời bất chính tổng số tiền 20.082.191 đồng. Chị T chưa trả nợ gốc cho Duy N, còn nợ 50.000.000 đồng.

- Anh Nguyễn Huy N3

+ Ngày 18/02/2025, anh Huy N3 vay số tiền 5.000.000 đồng dưới hình thức bốc bát họ tỷ lệ 10 ăn 8 trả trong 50 ngày, lãi suất là: 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 146%/ 1 năm, cắt lãi trước 1 triệu đồng, thu trước 01 buổi. Đến nay anh Huy N3 đã thanh toán hết khoản vay này. Duy N được hưởng lợi số tiền lãi là: 1.000.000 đồng.

+ Ngày 21/02/2025, anh Huy N3 vay số tiền 5.000.000 đồng dưới hình thức bốc bát họ tỷ lệ 10 ăn 8 trả trong 50 ngày, lãi suất: 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 146%/ 1 năm, cắt lãi trước 1 triệu đồng và thu trước 01 buổi, trừ 01 buổi đóng của bát họ vay ngày 18/2/2025. Đến nay anh Huy N3 đã thanh toán hết khoản tiền trên. Duy N được hưởng lợi số tiền lãi là: 1.000.000 đồng.

+ Ngày 22/02/2025, Huy N3 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 255,5%/ 1 năm, cắt lãi trước 01 kỳ 10 ngày là 1.400.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 đã thanh toán hết khoản tiền trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 1.400.000 đồng.

+ Ngày 23/02/2025, Huy N3 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 255,5%/ 1 năm, cắt lãi trước 01 kỳ 10 ngày là 700.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 đã thanh toán hết khoản tiền trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 700.000 đồng.

+ Ngày 23/02/2025, Huy N3 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 255,5%/ 1 năm, cắt lãi trước 01 kỳ 10 ngày số tiền là 700.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 đã thanh toán hết khoản tiền trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 700.000 đồng.

+ Ngày 26/02/2025, anh Huy N3 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 7.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 255,5%/ 1 năm, cắt lãi trước 01 kỳ 10 ngày số tiền là 700.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 đã thanh toán hết khoản tiền trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 700.000 đồng.

+ Ngày 10/03/2025, anh Huy N3 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 365%/ 1 năm, cắt lãi trước 01 kỳ 10 ngày số tiền là 2.000.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 chưa thanh toán khoản vay trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 2.000.000 triệu đồng.

+ Ngày 10/03/2025, anh Huy N3 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 365%/ 1 năm, thu lãi trước 01 kỳ 10 ngày

số tiền là 1.000.000 đồng. Cùng ngày anh Huy N3 đã trả 1.000.000 đồng tiền lãi, đến nay anh Huy N3 chưa thanh toán khoản vay trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 1.000.000 triệu đồng.

+ Ngày 11/03/2025, anh Huy N3 vay số tiền 30.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 365%/ 1 năm, thu lãi trước 01 kỳ 10 ngày số tiền là 3.000.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 chưa thanh toán khoản vay trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 3.000.000 triệu đồng.

+ Ngày 11/03/2025, anh Huy N3 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 365%/ 1 năm, thu lãi trước 01 kỳ 10 ngày số tiền là 2.000.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 chưa thanh toán khoản vay trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 2.000.000 triệu đồng.

+ Ngày 01/03/2025, anh Huy N3 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 365%/ 1 năm, thu lãi trước 01 kỳ 10 ngày là 1.000.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 chưa thanh toán khoản vay trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 1.000.000 triệu đồng.

+ Ngày 11/03/2025, anh Huy N3 vay số tiền 10.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 365%/ 1 năm, thu lãi trước 01 kỳ 10 ngày là 1.000.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 chưa thanh toán khoản vay trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 1.000.000 đồng.

+ Ngày 12/03/2025, anh Huy N3 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất 10.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 365%/ 1 năm, thu lãi trước 01 kỳ 10 ngày là 2.000.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 chưa thanh toán khoản vay trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 2.000.000 triệu đồng.

+ Ngày 15/03/2025, anh Huy N3 vay số tiền 10.000.000 đồng dưới hình thức bốc bát họ tỷ lệ 10 ăn 8 trả trong 50 ngày, lãi suất là: 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày tương đương 146%/ 1 năm, cắt lãi trước 02 triệu đồng và thu trước 01 buổi, trừ tiền anh Huy N3 nợ trước đó nên Duy N chuyển cho anh Huy N3 số tiền 2.500.000 đồng. Đến nay anh Huy N3 chưa thanh toán số tiền vay bát họ trên. Duy N được hưởng số tiền lãi là: 2.000.000 triệu đồng.

Như vậy, tổng số tiền Duy N cho anh Huy N3 vay là 190.000.000 đồng, tổng số tiền lãi Duy N nhận được từ anh Huy N3 là 19.500.000 đồng, thu lời bất chính số tiền 18.458.904 đồng. Anh Huy N3 đã trả cho Duy N 60.000.000 đồng nợ gốc, còn nợ 130.000.000 đồng.

Như vậy, tổng số tiền Phạm Duy N, Phạm Lưu L cho 13 khách vay tiền dưới hình thức bốc bát họ và vay lãi ngày là 585.000.000 đồng, thu được tổng số tiền lãi là 173.500.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 154.842.466 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Phạm Duy N, Nguyễn Văn N1, Phạm Lưu L, Triệu Văn N, Cấn Văn M, Cấn Minh T khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên.

Đối với hành vi mang theo dao kiếm của Phạm Duy N và hành vi cất giấu dao kiếm của Triệu Văn N, quá trình điều tra xác định: Các bị cáo mang dao, kiếm đi với mục đích phòng vệ nếu anh Huy N3 tấn công lại, thực tế anh Huy N3 không tấn công lại nhóm của Duy N, do đó, Duy N không sử dụng các vũ khí này (các vũ khí này vẫn được đựng trong túi vải), các bị cáo không có mục đích sử dụng những vũ khí này để xâm phạm tính mạng, sức khỏe của anh Nguyễn Huy N3 nên ngày 09/12/2025, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với Phạm Duy N và Triệu Văn N theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 7 Nghị định 144 ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình. Mức phạt 4.500.000 đồng. Phạm Duy N và Triệu Văn N đã chấp hành nộp phạt theo quy định.

Đối với hành vi sử dụng kéo gây thương tích cho anh Nguyễn Huy N3 của Nguyễn Văn N1, quá trình điều tra xác định: Chiếc kéo chiều dài chuôi khoảng 10cm, chiều dài lưỡi khoảng 10cm mà Văn N1 sử dụng để đâm anh Nguyễn Huy N3 là của Duy N đưa cho Văn N1, sau khi đâm anh Ninh, trên đường bỏ trốn, Văn N1 đã vứt chiếc kéo này trên đường (không nhớ chính xác vị trí), đến nay không thu giữ được nên Cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Nguyễn Văn N1, quá trình điều tra xác định: Nguyễn Văn N1 đã giúp sức cho Phạm Duy N trong hoạt động cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với khoản vay của anh Nguyễn Huy N3 và được hưởng lợi trên số tiền bất chính là 18.458.904 đồng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Hà Nội đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính theo quy định tại điểm đ, khoản 4, Điều 12 Nghị định 144 ngày 31/12/2021 của Chính phủ quy định về xử phạt hành chính trong lĩnh vực an ninh trật tự, an toàn xã hội, phòng chống tệ nạn xã hội, phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ, phòng chống bạo lực gia đình. Mức phạt 15.000.000 đồng, Nguyễn Văn N1 đã chấp hành nộp phạt theo quy định.

Về dân sự: Anh Nguyễn Huy N3 yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 500.000.000 đồng gồm tiền điều trị, thuốc men là 100.000.000 đồng, tiền mất khả năng lao động trong 10 tháng là 100.000.000 đồng (mỗi tháng 10.000.000 đồng), tiền bồi thường tổn thất về tinh thần và sức khỏe 300.000.000 đồng. Nguyễn Văn N1 và Phạm Duy N đã tác động gia đình tự nguyện bồi thường cho bị hại số tiền lần

lượt là 20.000.000 đồng, 30.000.000 đồng bằng cách nộp tiền vào tài khoản của Cục thi hành án dân sự thành phố Hà Nội.

Tại bản cáo trạng số 171/CT- VKS – KV11 ngày 12/03/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội truy tố bị cáo Phạm Duy N, Phạm Lưu L về hành vi “Cướp tài sản” và “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 201 Bộ luật hình sự, truy tố bị cáo Nguyễn Văn N1, Triệu Văn N2, Cấn Văn M và Cấn Minh T về hành vi “Cướp tài sản” theo khoản 2 Điều 168 Bộ luật hình sự

Tại phiên tòa:

- Các bị cáo Phạm Duy N, Phạm Lưu L, Nguyễn Văn N1, Triệu Văn N2, Cấn Văn M và Cấn Minh T thành khẩn khai nhận tội như đã khai tại cơ quan điều tra, thừa nhận bản cáo trạng truy tố các bị cáo là đúng và không kêu oan. Các bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

Bị cáo Duy N tự nguyện bồi thường cho anh Huy N3 số tiền 300.000.000 đồng. Bị cáo Văn N1 tự nguyện bồi thường cho anh Huy N3 số tiền 20.000.000 đồng. Bị cáo L, Văn N2, M và T, mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh Huy N3 số tiền 10.000.000 đồng

- Bị hại là anh Nguyễn Huy N3 yêu cầu các bị cáo bồi thường tổng số tiền 360.000.000 đồng gồm tiền điều trị, thuốc men, tiền mất khả năng lao động, tiền bồi thường tổn thất về tinh thần và sức khỏe. Anh Huy N3 đã được nhận số tiền 270.000.000 đồng theo Giấy biên nhận ngày 22/05/2026. Số tiền 90.000.000 đồng còn lại anh sẽ nhận tại Cơ quan thi hành án khi án có hiệu lực pháp luật. Anh Huy N3 có ý kiến đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo và có đơn xin xét xử vắng mặt. Hội đồng xét xử áp dụng Điều 292 Bộ luật Tố tụng hình sự xử vắng mặt anh Huy N3

- Đại diện Viện kiểm sát duy trì công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo theo bản cáo trạng. Sau khi đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội, nhân thân của các bị cáo, xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật hình sự

Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội đề nghị như sau:

- Áp dụng điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều 168, khoản 2 Điều 201, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt:

Phạm Duy N mức án tù 08 năm 06 tháng đến 08 năm 10 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, mức án tù 12 đến 16 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao

dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội từ 09 năm 06 tháng đến 10 năm 02 tháng tù

Phạm Lưu L mức án từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 06 tháng tù về tội “Cướp tài sản”, mức án từ 08 đến 12 tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt chung cho 02 tội từ 07 năm 10 tháng đến 08 năm 06 tháng tù

- Áp dụng điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 47, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự và Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự

Nguyễn Văn N1 mức án từ 07 năm 08 tháng đến 08 năm tù

Triệu Văn N2 mức án từ 07 năm 06 tháng đến 07 năm 10 tháng tù

Cần Minh T mức án từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 06 tháng tù

Cần Văn M mức án từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 06 tháng tù

Về hình phạt bổ sung: Miễn hình phạt tiền cho các bị cáo

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo Phạm Duy N phải truy nộp số tiền đã sử dụng cho vay để sung Ngân sách Nhà nước và số tiền lãi theo quy định của pháp luật

Buộc bị cáo Phạm Duy N phải trả lại số tiền lãi để nhận vượt quá quy định pháp luật cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan

Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải truy nộp số tiền gốc còn nợ bị cáo Duy N để sung Ngân sách Nhà nước

Xử lý tang vật: Đối với 01 túi sách, có đường chỉ màu đỏ, kích thước 90cmx20cmx20cm có chữ “MENGS” có khóa kéo, bên trong đựng hung khí là 05 dao găm hàn tuýp sắt dài 78cm và 01 kiếm có chiều dài gỗ 65cm, kiếm bằng kim loại nhọn, sắt, dài khoảng 55cm, cán gỗ dài khoảng 18cm không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 plus màu đen; 01 điện thoại Iphone màu vàng- trắng; 01 xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng đen bạc có BKS: 29V5-575.61; 01 xe máy Honda SH màu đen BKS: 29L1 -934.82, số máy: KF42E3041031, Số khung: RLHKF4239PY065320 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 29017255, tên chủ xe Phạm Duy N; 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu vàng; 01 điện thoại Mobil màu đen; 01 xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng đen bạc có BKS: 29L5-491.49, số khung: RLHJA392MY174335, số máy: JA39E2292473; 01 điện thoại di động Oppo A3 màu đen, đều đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng vào việc phạm tội nên cần tịch thu sung Ngân sách Nhà nước

Đối với 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 14Pro màu đen đã qua sử dụng, không liên quan đến hành vi phạm tội nên cần trả lại cho bị cáo L.

Về yêu cầu bồi thường thương tích: Anh Huy N3 yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường số tiền 360.000.000 đồng. Các bị cáo đã bồi thường số tiền 360.000.000 đồng do đó không xem xét

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Thanh Trì nay là Công an thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Trì nay là Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng.

[2] Xét lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, phù hợp với biên bản bắt giữ người trong trường hợp khẩn cấp, truy nã, Biên bản khám xét khẩn cấp, lời khai của người làm chứng, biên bản nhận dạng, vật chứng thu giữ, phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội.

Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Trong khoảng thời gian từ năm 2024 đến tháng 4/2025, Phạm Duy N đã tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng dưới hình thức bóc lột hộ với tỷ lệ 10 ăn 8, trả trong 50 ngày (tương đương mức lãi suất 146%/năm) và cho vay lãi ngày với mức lãi suất từ 4.000 đồng đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày (tương đương mức lãi suất từ 146% đến 182,5%/năm) đối với 13 khách vay. Để tổ chức hoạt động cho vay lãi nặng, Phạm Duy N đã thuê cùng Phạm Lưu L thực hiện nhiệm vụ kiểm tra thông tin khách vay, gọi điện giục khách đóng tiền, đến nhà khách xác minh, thu tiền và trả công cho L 8.000.000 đồng/tháng.

Tổng số tiền Phạm Duy N và Phạm Lưu L đã cho 13 khách vay lãi nặng trong giao dịch dân sự là 585.000.000 đồng, thu được tổng số tiền lãi là 173.500.000 đồng, thu lợi bất chính số tiền 154.842.466 đồng.

Hành vi trên của bị cáo Phạm Duy N và Phạm Lưu L đã phạm vào tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Khoảng 18 giờ 30’ ngày 15/05/2025, tại quán nước địa chỉ đường 25m thuộc địa phận xã Tân Triều, huyện Thanh Trì, TP. Hà Nội nay là phường Thanh Liệt, TP. Hà Nội, Phạm Duy N đã chỉ đạo Nguyễn Văn N1 dùng kéo đâm vào tay, chân anh Nguyễn Huy N3 để gây sức ép buộc anh Ninh phải trả số tiền 130.000.000 đồng đang nợ Phạm Duy N. Ngoài ra, Phạm Duy N còn chỉ đạo Phạm Lưu L chuẩn bị hung khí là 05 dao quắm và 01 thanh kiếm, đi thăm dò để tìm vị trí của anh Nguyễn Huy N3, còn Triệu Văn N2, Cấn Văn M và Cấn Minh T sẽ giúp sức cho Nguyễn Văn N1 nếu anh Nguyễn Huy N3 chống trả. Sau khi L đi thăm dò và tìm được vị trí của anh Nguyễn Huy N3, L liền gọi điện thông báo, Phạm Duy N chở Triệu Huy N3 đi trước, còn T chở M và Nam ngồi sau cùng. Khi thấy anh Huy N3 đang ngồi quán nước, T điều khiển xe máy chậm lại để Văn N1 và M nhảy xuống xe, Văn N1 rút kéo từ trong túi quần bên phải đang mặc lao về phía anh Huy N3, anh Huy N3 bỏ chạy thì bị Văn N1 đuổi theo đâm nhiều nhát vào phần lưng và bả vai trái.

Tại bản kết luận giám định tổn thương cơ thể người sống số 555/KLTTCT-TTPY ngày 20/05/2025 của Trung tâm pháp y – Sở Y tế Hà Nội, kết luận: Tỷ lệ phần trăm tổn thương cơ thể của anh Nguyễn Huy N3 tại thời điểm giám định là 12%. Áp dụng theo Thông tư số 22/2019/TT- BYT ngày 28/08/2019 của Bộ Y tế.

Hành vi trên của các bị cáo đã phạm vào tội “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự.

Do đó Viện kiểm sát nhân dân khu vực 11- Hà Nội đưa ra các chứng cứ buộc tội và truy tố bị cáo Phạm Duy N, Phạm Lưu L với tội danh “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” theo quy định tại khoản 2 Điều 201 Bộ luật Hình sự, truy tố bị cáo Phạm Duy N, Phạm Lưu L, Nguyễn Văn N1, Triệu Văn N2, Cấn Văn M và Cấn Minh T với tội danh “Cướp tài sản” theo quy định tại điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều 168 Bộ luật Hình sự là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

Xét hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Phạm Duy N và Phạm Lưu L. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, đã xâm phạm đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong hoạt động tín dụng, tài chính ngân hàng, kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc cho vay tiền với mức lãi suất vượt quá 05 lần trở lên so với mức lãi suất cao nhất theo quy định tại Bộ Luật dân sự là vi phạm pháp luật nhưng vì mục đích tư lợi các bị cáo vẫn cố ý thực hiện, nhằm thu lời bất chính.

Xét hành vi cướp tài sản của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không những xâm phạm đến tài sản, sức khỏe, tính mạng của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự trị an, an toàn xã hội. Đối với bị cáo Văn N1, sau khi phạm tội bị cáo đã không đến Cơ quan công an để đầu thú mà bỏ trốn khỏi địa phương gây khó khăn trong công tác điều tra, Cơ quan điều tra phải ra Quyết định truy nã. Đến ngày 18/12/2025, cơ quan công an mới bắt được bị cáo.

Trong vụ án này các bị cáo thực hiện tội phạm với tính chất đồng phạm có tổ chức, có sự bàn bạc, phân công nhiệm vụ và cấu kết chặt chẽ. Trong đó bị cáo Phạm Duy N là kẻ chủ mưu, trực tiếp chỉ đạo, hướng dẫn bị cáo L cho khách viết giấy vay tiền, gọi điện nhắc nợ khách, đi thu tiền của khách và cấp cho L điện thoại dùng để nhắc khách trả nợ. Ngoài ra bị cáo Phạm Duy N còn lên kế hoạch, chuẩn bị công cụ phạm tội, chỉ đạo Văn N1 dùng kéo đâm vào tay, chân của anh Huy N3 để gây sức ép buộc anh Huy N3 phải trả nợ, chỉ đạo L lấy hung khí, gọi điện cho Văn Ninh, Cấn Minh T, Cấn Văn M hỗ trợ khi có sự phản kháng của anh Huy N3. Bị cáo Văn N1 là kẻ trực tiếp thực hiện hành vi phạm tội. Do đó đối với hành vi cướp tài sản, bị cáo Duy N có vai trò cao nhất, sau đó đến bị cáo Văn N1, bị cáo L, Ninh, T, M đóng vai trò đồng phạm giúp sức. Do đó bị cáo Duy N có mức hình phạt cao hơn bị cáo Văn N1 và các bị cáo khác.

Xét nhân thân các bị cáo, Hội đồng xét xử nhận thấy: Đối với bị cáo Duy N, L, T và M nhân thân chưa có tiền án, tiền sự.

Đối với bị cáo Văn N1 nhân thân có 01 tiền án đã được xóa án tích: Bản án số 29/HSST/2013 ngày 23/07/2013, Tòa án nhân dân huyện Thạch Thất xử phạt 06 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản”; bị cáo Văn N2 nhân thân có 01 tiền án đã được xóa án tích: Bản án số 650/2014/HSPT ngày 20/08/2014, Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội xử phạt 05 năm 09 tháng tù về tội “Cướp tài sản”. Điều đó chứng tỏ bị cáo Văn N1 và Văn N2 có nhân thân xấu, các bị cáo đã được cơ quan pháp luật giáo dục nhưng không lấy đó làm bài học mà vẫn tiếp tục phạm tội.

Do đó cần phải áp dụng hình phạt tù tương xứng với hành vi phạm tội, cách ly bị cáo khỏi xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục, cải tạo, răn đe và đấu tranh phòng ngừa chung.

Tuy nhiên khi lượng hình, HĐXX xét thấy tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, tỏ ra ăn năn hối cải, cả các bị cáo đã tác động gia đình bồi thường, khắc phục hậu quả cho bị hại, bị hại có ý kiến đề nghị xem xét giảm nhẹ hình phạt nên các bị cáo được áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

[4] Về xử lý vật chứng: Đối với 01 túi sách, có đường chỉ màu đỏ, kích thước 90cm x 20cm x 20cm có chữ “MENGS” có khóa kéo, 05 dao quắm hàn tuýp sắt dài 78cm và 01 kiếm có chiều dài 83cm, vỏ gỗ dài khoảng 65cm, kiếm bằng kim loại nhọn, sắt, dài khoảng 55cm, cán gỗ dài khoảng 18cm không có giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 plus màu đen, số máy MQ8L2LL/A, số Imei: FDHW51V4JCM2; 01 điện thoại Iphone màu vàng- trắng, có số Imei: 353096106835383; 01 xe máy Honda màu trắng, đen có số khung: RLHJA3914LY187621, số máy: JA39E1525501; 01 xe máy Honda SH màu đen BKS: 29L1-934.82, số máy: KF42E3041031, Số khung: RLHKF4239PY065320 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 29017255, tên chủ xe Phạm Duy N; 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu vàng, số Imei: 356703855214390, số Imei 2: 356703855430816; 01 điện thoại Mobel màu đen, số Imei: 970301600247736; 01 xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng đen bạc có BKS: 29L5-491.49, số khung: RLHJA392MY174335, số máy: JA39E2292473; 01 điện thoại di động Oppo A3 màu đen, Imei: 868884074655232, Imei2: 868884074655224 đều đã qua sử dụng là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu sung ngân sách nhà nước.

Đối với 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 14Pro màu đen, số Imei: 86354107771238703 thu giữ của Phạm Lưu L không liên quan đến hành vi phạm tội do đó trả lại cho bị cáo L

[5] Về biện pháp tư pháp:

Tổng số tiền bị cáo Duy N sử dụng để cho vay là 585.000.000 đồng. Đây là số tiền bị cáo Duy N sử dụng để thực hiện hành vi phạm tội nên cần buộc bị cáo truy nộp để sung ngân sách nhà nước. Tuy nhiên, trong số các khoản cho vay, có một số khoản vay người vay chưa thanh toán hết tiền gốc cho bị cáo Duy N nên đối với các khoản vay này, người vay phải có trách nhiệm truy nộp để sung ngân sách nhà nước. Cụ thể:

- Bà Đỗ Thị T phải truy nộp số tiền 110.000.000 đồng
- Anh Cao Xuân H phải truy nộp số tiền 1.800.000 đồng
- Bà Triệu Thị N phải truy nộp số tiền 65.000.000 đồng.
- Bà Nguyễn Thị Bích L phải truy nộp số tiền 5.000.000 đồng.
- Anh Nguyễn Quang Q phải truy nộp số tiền 7.500.000 đồng.
- Anh Phùng Tiến T phải truy nộp số tiền 9.000.000 đồng.
- Bà Đỗ Thị D phải truy nộp số tiền 5.000.000 đồng.
- Anh Triệu Đình T phải truy nộp số tiền 12.000.000 đồng.

- Chị Nguyễn Thị Vân A phải truy nộp số tiền 40.000.000 đồng.
- Chị Phùng Thị T phải truy nộp số tiền 50.000.000 đồng.
- Anh Nguyễn Huy N3 phải truy nộp số tiền 130.000.000 đồng.

Tổng số tiền người vay còn nợ bị cáo Duy N là 435.300.000 đồng. Do đó bị cáo Duy N phải truy nộp số tiền gốc đã thu về là: 585.000.000 đồng – 435.300.000 đồng = 149.700.000 đồng

* Đối với số tiền lãi vượt quá, bị cáo Duy N đã thu của người vay, cụ thể như sau:

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của bà Đỗ Thị T là 32.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 28.164.383 đồng bị cáo Duy N phải trả cho bà Đỗ Thị T

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của anh Cao Xuân H là 1.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 863.013 đồng bị cáo Duy N phải trả cho anh Cao Xuân H

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của bà Triệu Thị N là 42.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 37.506.849 đồng bị cáo Duy N phải trả cho bà Triệu Thị N

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của bà Nguyễn Thị Bích L là 3.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 2.589.041 đồng bị cáo Duy N phải trả cho bà Nguyễn Thị Bích L

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của anh Nguyễn Quang Q là 5.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 4.315.068 đồng bị cáo Duy N phải trả cho anh Nguyễn Quang Q

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của anh Phùng Tiến T là 3.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 2.589.041 đồng bị cáo Duy N phải trả cho anh Phùng Tiến T

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của chị Nguyễn Thị C là 2.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 1.726.027 đồng bị cáo Duy N phải trả cho chị Nguyễn Thị C

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của bà Đỗ Thị D là 2.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 1.726.027 đồng bị cáo Duy N phải trả cho bà Đỗ Thị D

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của anh Triệu Đình T là 4.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 3.452.054 đồng bị cáo Duy N phải trả cho anh Triệu Đình T

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của chị Nguyễn Thị Vân A là 34.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 31.643.835 đồng bị cáo Duy N phải trả cho chị Nguyễn Thị Vân A

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của anh Hoàng Minh Đ là 2.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 1.726.027 đồng bị cáo Duy N phải trả cho anh Hoàng Minh Đ

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của chị Phùng Thị T là 24.000.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 20.082.191 đồng bị cáo Duy N phải trả cho chị Phùng Thị T.

- Số tiền lãi bị cáo Duy N đã thu của anh Nguyễn Huy N3 là 19.500.000 đồng, số tiền thu lời bất chính là 18.458.904 đồng bị cáo Duy N phải trả cho anh Nguyễn Huy N3

Tổng cộng là 154.842.466 đồng. Đây là số tiền hưởng lợi bất chính, cần buộc bị cáo Duy N phải trả lại cho người vay

* Đối với số tiền lãi trong hạn mức bị cáo Duy N đã thu của người vay, cụ thể như sau: Bà T số tiền 3.835.617 đồng; anh H số tiền 136.987 đồng; bà N số tiền 4.493.151 đồng; bà L số tiền 410.959 đồng; anh Q số tiền 684.932 đồng; anh T số tiền 410.959 đồng; chị C số tiền 273.973 đồng; bà D số tiền 273.973 đồng; anh T số tiền 547.946 đồng; chị Vân A số tiền 2.356.165 đồng; anh Đ số tiền 273.973 đồng; chị Phùng Thị Thu số tiền 3.917.809 đồng; anh Huy N3 số tiền 1.041.096 đồng. Tổng cộng là 18.657.540 đồng. Đây là số tiền bị cáo Duy N có được do thực hiện hành vi phạm tội nên cần truy nộp để sung ngân sách nhà nước.

Đối với yêu cầu đòi bồi thường thương tích: Anh Huy N3 yêu cầu các bị cáo phải liên đới bồi thường cho anh số tiền 360.000.000 đồng

Các bị cáo đồng ý liên đới bồi thường cho anh Huy N3 số tiền 360.000.000 đồng, cụ thể như sau:

- Bị cáo Duy N đồng ý bồi thường cho anh Huy N3 số tiền 300.000.000 đồng gồm: 30.000.000 đồng đã nộp tại Cơ quan thi hành án và 270.000.000 đồng (anh Huy N3 đã được nhận theo Giấy biên nhận ngày 22/05/2026)

- Bị cáo Văn N1 đồng ý bồi thường cho anh Huy N3 số tiền 20.000.000 đã nộp tại Cơ quan thi hành án

- Bị cáo L, Văn N2, M và T, mỗi bị cáo đồng ý bồi thường cho anh Huy N3 số tiền 10.000.000 đã nộp tại Cơ quan thi hành án

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng mức hình phạt tù có thời hạn, không áp dụng hình phạt bổ sung, về trách nhiệm dân sự, về xử lý vật chứng và biện pháp tư pháp là có căn cứ phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử và phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận.

Vì các lý do trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh:

Tuyên bố bị cáo Phạm Duy N, Phạm Lưu L phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” và “Cướp tài sản”.

Tuyên bố bị cáo Phạm Duy N, Phạm Lưu L, Nguyễn Văn N1, Triệu Văn N2, Cấn Văn M và Cấn Minh T phạm tội “Cướp tài sản”

2. Về điều luật và hình phạt:

Áp dụng khoản 2 Điều 201; điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều 168; điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 55, Điều 17, Điều 58 Bộ luật Hình sự.

Xử phạt:

Phạm Duy N 08 (Tám) năm **03** (Ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và **12** (Mười hai) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo Duy N phải phải chấp hành hình phạt cho 02 tội là **09** (Chín) năm **03** (Ba) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2025.

Phạm Lưu L 07 (Bảy) năm **03** (Ba) tháng tù về tội “Cướp tài sản” và **09** (Chín) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp hình phạt, buộc bị cáo L phải phải chấp hành hình phạt cho 02 tội là **08** (Tám) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2025.

Áp dụng điểm a, c, d, đ khoản 2 Điều 168, điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 17, Điều 58 Bộ luật hình sự

Xử phạt:

Nguyễn Văn N1 07 (Bảy) năm **10** (Mười) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 18/12/2025.

Triệu Văn N2 07 (Bảy) năm **08** (Tám) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2025.

Cấn Minh T 07 (Bảy) năm **03** (Ba) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2025.

Cấn Văn M 07 (Bảy) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 17/05/2025.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng

3. Xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp: Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, Điều 5 Nghị quyết số 01/2021/NQ- HĐTP ngày 20/12/2021 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng Điều 201 Bộ luật hình sự và việc xét xử vụ án hình sự về tội cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

* Tịch thu tiêu hủy 01 túi sách, có đường chỉ màu đỏ, kích thước 90cm x 20cm x20cm có chữ “MENGS” có khóa kéo, 05 dao quắm hàn tuýp sắt dài 78cm và 01 kiếm có chiều dài 83cm, vỏ gỗ dài khoảng 65cm, kiếm bằng kim loại nhọn, sắt, dài khoảng 55cm, cán gỗ dài khoảng 18cm

Tịch thu sung Ngân sách Nhà nước 01 điện thoại nhãn hiệu Iphone 8 plus màu đen, số máy MQ8L2LL/A, số Imei: FDHW51V4JCM2; 01 điện thoại Iphone

màu vàng- trắng, có số Imei: 353096106835383; 01 xe máy Honda màu trắng, đen có số khung: RLHJA3914LY187621, số máy: JA39E1525501; 01 xe máy Honda SH màu đen BKS: 29L1-934.82, số máy: KF42E3041031, Số khung: RLHKF4239PY065320 và 01 Giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, gắn máy số 29017255, tên chủ xe Phạm Duy N; 01 điện thoại Iphone 14 Promax màu vàng, số Imei: 356703855214390, số Imei 2: 356703855430816; 01 điện thoại Mobel màu đen, số Imei: 970301600247736; 01 xe máy nhãn hiệu Wave màu trắng đen bạc có BKS: 29L5-491.49, số khung: RLHJA392MY174335, số máy: JA39E2292473; 01 điện thoại di động Oppo A3 màu đen, Imei: 868884074655232, Imei2: 868884074655224 đều đã qua sử dụng và không kiểm tra chất lượng.

Trả lại cho bị cáo Phạm Lưu L 01 điện thoại di động Xiaomi Redmi Note 14Pro màu đen, số Imei: 86354107771238703 màn hình bị rạn nứt góc dưới bên trái, máy cũ đã qua sử dụng.

Toàn bộ vật chứng hiện đang được lưu giữ tại kho vật chứng theo Biên bản giao nhận vật chứng giữa Cơ quan CSĐT – Công an thành phố Hà Nội và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hà Nội ngày 05/05/2026

* Buộc bị cáo Phạm Duy N phải truy nộp số tiền gốc đã thu của người vay là **149.700.000 đồng** (Một trăm bốn mươi chín triệu bảy trăm nghìn đồng) và số tiền lãi trong hạn mức là **18.657.540 đồng** (Mười tám triệu sáu trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi đồng), tổng cộng: **168.357.540 đồng** (Một trăm sáu mươi tám triệu ba trăm năm mươi bảy nghìn năm trăm bốn mươi đồng) để sung ngân sách nhà nước.

* Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải truy nộp số tiền nợ gốc chưa trả cho bị cáo Phạm Duy N để sung ngân sách nhà nước, cụ thể:

- Bà Đỗ Thị T phải nộp **110.000.000 đồng** (Một trăm mười triệu đồng)
- Anh Cao Xuân H phải nộp **1.800.000 đồng** (Một triệu tám trăm nghìn đồng)
- Bà Triệu Thị N phải nộp **65.000.000 đồng** (Sáu mươi năm triệu đồng)
- Bà Nguyễn Thị Bích L phải nộp **5.000.000 đồng** (Năm triệu đồng)
- Anh Nguyễn Quang Q phải nộp **7.500.000 đồng** (Bảy triệu năm trăm nghìn đồng)
- Anh Phùng Tiến T phải nộp **9.000.000 đồng** (Chín triệu đồng)
- Bà Đỗ Thị D phải nộp **5.000.000 đồng** (Năm triệu đồng)
- Anh Triệu Đình T phải nộp **12.000.000 đồng** (Mười hai triệu đồng)
- Chị Nguyễn Thị Vân A phải nộp **40.000.000 đồng** (Bốn mươi triệu đồng)
- Chị Phùng Thị T phải nộp **50.000.000 đồng** (Năm mươi triệu đồng)
- Anh Nguyễn Huy N3 phải nộp **130.000.000 đồng** (Một trăm ba mươi triệu đồng)

* Buộc bị cáo Duy N phải trả cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lời bất chính, cụ thể như sau:

- Trả cho bà Đỗ Thị T số tiền là: **28.164.383 đồng** (Hai mươi tám triệu một trăm sáu mươi bốn nghìn ba trăm tám mươi ba đồng)

- Trả cho anh Cao Xuân H số tiền: **863.013 đồng** (Tám trăm sáu mươi ba nghìn không trăm mười ba đồng)

- Trả cho bà Triệu Thị N số tiền là: **37.506.849 đồng** (Ba mươi bảy triệu năm trăm linh sáu nghìn tám trăm bốn mươi chín đồng)

- Trả cho bà Nguyễn Thị Bích L số tiền là: **2.589.041 đồng** (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng)

- Trả cho anh Nguyễn Quang Q số tiền là: **4.315.068 đồng** (Bốn triệu ba trăm mười năm nghìn không trăm sáu mươi tám đồng)

- Trả cho anh Phùng Tiến T số tiền là: **2.589.041 đồng** (Hai triệu năm trăm tám mươi chín nghìn không trăm bốn mươi một đồng)

- Trả cho chị Nguyễn Thị C số tiền là: **1.726.027 đồng** (Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng)

- Trả cho bà Đỗ Thị D số tiền là: **1.726.027 đồng** (Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng)

- Trả cho anh Triệu Đình T số tiền là: **3.452.054 đồng** (Ba triệu bốn trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi bốn đồng)

- Trả cho chị Nguyễn Thị Vân A số tiền là: **31.643.835 đồng** (Ba mươi một triệu sáu trăm bốn mươi ba nghìn tám trăm ba mươi năm đồng)

- Trả cho anh Hoàng Minh Đ số tiền là: **1.726.027 đồng** (Một triệu bảy trăm hai mươi sáu nghìn không trăm hai mươi bảy đồng)

- Trả cho chị Phùng Thị T số tiền là: **20.082.191 đồng** (Hai mươi triệu không trăm tám mươi hai nghìn một trăm chín mươi một đồng)

- Trả cho anh Nguyễn Huy N3 số tiền là: **18.458.904 đồng** (Mười tám triệu bốn trăm năm mươi tám nghìn chín trăm linh bốn đồng)

4. Về yêu cầu bồi thường thương tích: Bị cáo Phạm Duy N tự nguyện bồi thường thương tích cho anh Nguyễn Huy N3 số tiền **300.000.000 đồng** (Ba trăm bốn mươi triệu đồng). Anh Huy N3 đã được nhận số tiền **270.000.000 đồng** (Ba trăm mười triệu đồng) theo Giấy biên nhận ngày 22/05/2026. Anh Huy N3 được nhận số tiền **30.000.000 đồng** (Ba mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 29/01/2026 và Điện chuyển tiền đi ngày 02/02/2026 của Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam- Chi nhánh Nam Thăng Long

Bị cáo Nguyễn Văn N1 tự nguyện bồi thường thương tích cho anh Nguyễn

Huy N3 số tiền **20.000.000 đồng** (Hai mươi triệu đồng). Anh Huy N3 được nhận số tiền **20.000.000 đồng** (Hai mươi triệu đồng) theo Giấy nộp tiền ngày 29/01/2026 của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam- Chi nhánh Thăng Long

Các bị cáo Phạm Lưu L, Triệu Văn N2, Cấn Văn M và Cấn Minh T, mỗi bị cáo tự nguyện bồi thường cho anh Huy N3 số tiền **10.000.000 đồng** (Mười triệu đồng). Anh Huy N3 được nhận tổng số tiền **40.000.000 đồng** (Bốn mươi triệu đồng) theo Biên lai thu tiền số 0006620 ngày 19/05/2026, Biên lai thu tiền số 0006619 ngày 19/05/2026, Biên lai thu tiền số 00066722 ngày 20/05/2026 và Biên lai thu tiền số 00066724 ngày 20/05/2026

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án, bên phải thi hành án còn phải chịu lãi suất của khoản nợ chưa thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6,7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Về án phí: Bị cáo Phạm Duy N, Phạm Lưu L, Nguyễn Văn N1, Triệu Văn N2, Cấn Văn M và Cấn Minh T, mỗi bị cáo phải chịu **200.000 đồng** (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật

Nơi nhận:

- TAND TP. Hà Nội;
- Công an TP. Hà Nội;
- VKSND khu vực 11- Hà Nội
- Trại tạm giam số 1 - Công an TP. Hà Nội;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 11- Hà Nội
- Bị cáo; bị hại, NLQ
- Lưu VP, HS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Tự Hiếu

